

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

Gia Lai, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nay Lu Vinh.

Thư ký phiên họp: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai tham gia phiên họp:
Ông Nguyễn Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 30-9-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 12-9-2025 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12-9-2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Bùi Văn T; sinh ngày 25-02-1994; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký tạm trú và chỗ ở: thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai; số định danh cá nhân 037094001928.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Diệu T1; sinh ngày 08-4-1995; địa chỉ: thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; số định danh cá nhân 046195000227.

2. Cháu Bùi Lê Trung H, sinh ngày 25-12-2023; địa chỉ: Thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai

Người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Lê Trung H: Chị Lê Thị Diệu T1; sinh ngày 08-4-1995; địa chỉ: thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; số định danh cá nhân 046195000227 (là mẹ đẻ của cháu H).

3. Anh Nguyễn Hữu T2; sinh ngày 10/01/1987; địa chỉ: thôn B, xã C, tỉnh Gia Lai; số định danh cá nhân 026087008303.

Anh T và chị T1 có mặt. Anh T3 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Theo nội dung Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 16-5-2025, Bản tự khai đề ngày 20-5-2025 và ý kiến tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Bùi Văn T trình bày như sau:

Anh Bùi Văn T và chị Lê Thị Diệu T1 quen biết, có quan hệ tình cảm trong

thời gian chị T1 đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp nhưng do mâu thuẫn nên không sống chung với anh Nguyễn Hữu T2. Ngày 13-10-2023, chị T1 và anh T2 ly hôn theo Bản án số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 13-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Ngày 25-12-2023, chị T1 sinh con của anh T và chị T1 tại Bệnh viện Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đặt tên là Bùi Lê Trung H. Cháu H được sinh ra sau khi chị T1 và anh T2 đã có quyết định ly hôn nhưng thời điểm thành thai thì chị T1 và anh T2 vẫn đang còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, chưa ly hôn. Tuy nhiên cháu H không phải là con đẻ của anh T2 mà là con đẻ của anh T và chị T1.

Anh T và chị T1 đã làm thủ tục giám định ADN giữa anh T và cháu H. Tại Kết quả phân tích ADN huyết thống số KQ2505099.12 ngày 10/5/2025 của Phòng khám Đ1 số 11, địa chỉ: Số B D, quận C, Thành phố Hà Nội đã kết luận: Hai người trên (tức anh T và cháu H) có quan hệ huyết thống C - Con trai.

Căn cứ kết quả phân tích ADN này, anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xác định anh T là cha đẻ của cháu Bùi Lê Trung H để anh T và chị T1 có thể đăng ký khai sinh, ghi họ tên cha đẻ cho cháu trong giấy khai sinh theo quy định của pháp luật.

2. Theo nội dung Bản tự khai đề ngày 20-5-2025 và ý kiến tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Diệu T1 trình bày như sau:

Trong thời gian chị Lê Thị Diệu T1 tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Nguyễn Hữu T2 thì chị T1 và anh Bùi Văn T có quen biết, nảy sinh tình cảm dẫn đến việc chị T1 có thai. Thời điểm này chị T1 và anh T2 mâu thuẫn nên cả hai ly thân, không sống chung với nhau nữa. Ngày 13-10-2023, chị T1 và anh T2 ly hôn theo Bản án số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 13-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Ngày 25-12-2023, chị T1 sinh cháu Bùi Lê Trung H tại Bệnh viện Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cháu H được sinh ra sau khi chị T1 và anh T2 ly hôn nhưng thời điểm thành thai thì cả hai đang còn trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, chưa ly hôn. Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân”. Do đó về mặt pháp lý anh T2 được pháp luật công nhận là cha đẻ của cháu H. Tuy nhiên cháu H là con đẻ của chị T1 và anh T.

Anh T đã làm thủ tục giám định ADN với cháu H. Tại Kết quả phân tích ADN huyết thống số KQ2505099.12 ngày 10/5/2025 của Phòng khám Đ1 số 11, địa chỉ: Số B D, quận C, Thành phố Hà Nội đã kết luận: Hai người trên (tức anh T và cháu H) có quan hệ huyết thống C - Con trai.

Căn cứ kết quả giám định trên, chị T1 đồng ý với yêu cầu của anh Bùi Văn T, đề nghị Tòa án xác định anh T là cha đẻ của cháu Bùi Lê Trung H để cháu được đăng ký khai sinh, ghi họ tên cha đẻ theo quy định của pháp luật.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu T2:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc dân sự và các văn bản tố tụng triệu tập anh T2 đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp sơ thẩm

giải quyết việc dân sự nhưng anh T2 vắng mặt không có lý do, không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu của anh Bùi Văn T.

4. *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết việc dân sự:*

Về thủ tục tố tụng: Đã được Thẩm phán, Thư ký tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn T, xác định anh T là cha đẻ của cháu Bùi Lê Trung H; anh T và chị T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký khai sinh cho cháu H theo quy định của pháp luật.

Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn T là người yêu cầu giải quyết việc dân sự nên phải chịu lệ phí Tòa án 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 11- Gia Lai nhận định:

[1] Anh Bùi Văn T đăng ký tạm trú và sinh sống tại thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai) xác định anh T là cha đẻ của cháu Bùi Lê Trung H. Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28-5-2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch thì đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “*Yêu cầu xác định cha cho con*” của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai).

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc dân sự và các văn bản tố tụng triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hữu T2 tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo đơn yêu cầu của anh Bùi Văn T nhưng anh T2 không có ý kiến, yêu cầu và vắng mặt không có lý do tại phiên họp. Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh T2.

[3] Anh T và chị T1 đều thừa nhận trong thời gian chị T1 và anh Nguyễn Hữu T2 là vợ chồng hợp pháp thì anh T và chị T1 quen biết, có quan hệ tình cảm. Ngày 13-10-2023, chị T1 và anh T2 ly hôn theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2023/HNGĐ-ST ngày 13-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Ngày 25-12-2023, chị T1 sinh cháu H tại Bệnh viện Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân*”.

Vì vậy về mặt pháp lý, cháu H được xác định là con đẻ của chị T1 và anh T2.

[4] Anh T và chị T1 đã tiến hành các thủ tục xét nghiệm ADN giữa anh T và cháu H. Tại Kết quả phân tích ADN huyết thống số KQ2505099.12 ngày 10-5-2025 của Phòng khám Đ1 số 11, đã kết luận “*Hai người trên có quan hệ huyết thống C - Con trai*”. Tại Văn bản số 29/CV-MEDVN ngày 28-5-2025 của Phòng khám Đ1 số 11 xác định Phòng khám Đ1 số 11 là cơ sở khám chữa, bệnh được Sở Y tế Thành phố H cấp giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật, trong đó có kỹ thuật chuyên môn “Xét nghiệm PCR”, tức xét nghiệm AND, kết quả xét nghiệm của phòng khám được thực hiện theo quy trình giám định ADN tại Thông tư số 42/2024/TT-BYT ngày 02-12-2024 của Bộ Y. Việc giám định ADN giữa anh T và cháu H được Phòng khám Đ1 số 11 tiến hành theo đúng thủ tục do pháp luật quy định nên Kết quả phân tích ADN huyết thống số KQ2505099.12 ngày 10-5-2025 của Phòng khám Đ1 số 11 được xác định là chứng cứ.

[5] Quá trình giải quyết việc dân sự, chị T1 đồng ý với yêu cầu của anh T, anh Nguyễn Hữu T2 không có ý kiến phản đối yêu cầu, tài liệu, chứng cứ do anh T đưa ra. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 91 và khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh T, xác định anh T là cha đẻ của cháu H. Chị T1 và anh T có quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền để đăng ký khai sinh cho cháu H theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh T là người yêu cầu giải quyết việc dân sự, không thuộc trường hợp không phải nộp hoặc được miễn lệ phí Tòa án nên phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 92; khoản 6 Điều 95; khoản 1 Điều 149; khoản 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 88, Điều 101 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28-5-2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15-11-2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Điều 36, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Bùi Văn T.

Xác định anh Bùi Văn T, sinh ngày 25-02-1994, số định danh cá nhân 037094001928 cấp ngày 27-02-2021, nơi đăng ký cư trú: thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai là cha đẻ của cháu Bùi Lê Trung H (tên

do anh Bùi Văn T và chị Lê Thị Diệu T1 đặt), sinh ngày 25-12-2023, theo Giấy chứng sinh số 2729.GCS.79488.23, quyển 12, ngày 27-12-2023 của Bệnh viện Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Bùi Văn T và chị Lê Thị Diệu T1 có quyền liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền để đăng ký khai sinh cho cháu Bùi Lê Trung H theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

2. Anh Bùi Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006279 ngày 20-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 - Gia Lai). Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Ia Le, tỉnh Gia Lai;
- Lưu: HSVDS, VT-LT, CGQ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nay Lu Vinh